

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DSST

Ngày 25/9/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và ông Nguyễn Đắc Nhơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 109/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1974

Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Thu H (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020): Ông Trần Văn C. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1992. Có mặt.

Chị Lê Thị Thùy A, sinh năm 2001. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Sỹ C, sinh năm 1980

Bà Trương Thị Bích H, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Ngày 18/5/2019 vợ chồng ông, bà có cho ông Lê Sỹ C và bà Trương Thị Bích H vay số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn Ngân hàng, nhưng sau khi trả nợ xong phía Ngân hàng không cho ông C, bà H vay lại. Do đó vợ chồng ông, bà với tôi ông Lê Sỹ C, bà Trương Thị Bích H và vợ chồng con gái của ông C, bà H thỏa thuận với nhau chuyển số nợ 1.100.000.000 đồng từ ông Lê Sỹ C và bà Trương Thị Bích H sang cho vợ chồng con gái và con rể của ông C, bà H là chị Lê Thị Thùy A và anh Nguyễn Đình C.

Ngày 24/7/2019 vợ chồng ông, bà và anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A đã lập hợp đồng vay tiền, với nội dung vay vợ chồng anh C, chị A vay của ông, bà số tiền 1.100.000.000 đồng, thời gian vợ chồng anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A cam kết trả nợ cho ông, bà là 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng không ghi vào hợp đồng vay tiền.

Đến hạn trả nợ ông, bà đã nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A trả tiền nhưng anh C, chị A không trả số tiền gốc 1.100.000.000 đồng và lãi suất cho ông, bà như đã cam kết.

Nay ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A phải trả cho ông, bà số tiền 1.100.000 đồng và lãi xuất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày vay đến nay.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A trình bày:

Anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A thừa nhận ngày 24/7/2019 vợ chồng anh, chị với ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H và ông Lê Sỹ C, bà Trương Thị Bích H đã thỏa thuận với nhau về việc chuyển số nợ 1.100.000.000 đồng mà ông C, bà H nợ ông C, bà H sang cho vợ chồng anh, chị. Anh, chị và ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H đã lập hợp đồng vay tiền, với nội dung vay vợ chồng anh, chị vay của vợ chồng ông C, bà H số tiền 1.100.000.000 đồng, thời gian vợ chồng anh, chị cam kết trả nợ cho ông C, bà H là 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng, lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng nhưng không ghi vào hợp đồng vay tiền. Sau đó do vợ chồng anh, chị không vay được tiền ở Ngân hàng nên chưa có tiền để trả gốc và lãi suất cho ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị Thu H như đã cam kết.

Nay ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh, chị trả số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật, anh, chị cam kết nếu bán được được rẫy thì vợ chồng anh, chị sẽ trả nợ cho ông C, bà H hoặc cho cho vợ chồng anh, chị trả dần mỗi năm một ít khoảng 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ C và bà Trương Thị Bích H trình bày:

Ông, bà thống nhất lời trình bày và ý kiến của anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A (là con rể và con gái của ông, bà) ông, bà không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 177, Điều 179, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H đối với anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A.

Buộc anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A phải trả cho ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H số tiền gốc 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H, về việc yêu cầu anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A trả số tiền 1.100.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 24/7/2019 và lãi suất kể từ ngày vay theo quy định của pháp luật, thì đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Lê Thị Thùy A vẫn vắng mặt không có lý do; ông Lê Sỹ C, bà Trương Thị Bích H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Thùy A, ông Lê Sỹ C và bà Trương Thị Bích H theo quy định của pháp luật

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A trả số tiền 1.100.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 24/7/2019 và lãi suất kể từ ngày vay theo quy định của pháp luật; anh Chung, chị Anh thừa nhận ngày 24/7/2019 anh, chị có nhận chuyển giao số nợ 1.100.000.000 đồng từ ông Lê Sỹ C, bà Trương Thị Bích H sang cho anh, chị và hiện anh, chị còn

nợ ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H số tiền gốc 1.100.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 24/7/2019 đến nay chưa trả. Việc vay mượn tiền và chuyển giao quyền, nghĩa vụ giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A không trả tiền cho ông C, bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, căn cứ vào hợp đồng vay tiền đề ngày 24/7/2019, Hội đồng xét xử xác định ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H khởi kiện anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A yêu cầu anh C, chị A trả số tiền 1.100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về lãi suất, xét yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H, thì thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, các bên có thỏa thuận về lãi suất, đến hạn trả nợ anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A không trả cho ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H số tiền 1.100.000.000 đồng là do lỗi của anh C, chị A vì vậy cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của ông C, bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có thỏa thuận về trả lãi suất, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, vì vậy cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự xác định lãi suất bằng 50% mức lãi suất lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (tương đương 10%/năm, tức 0,833%/tháng). Cụ thể:

Lãi suất trong hạn: Số tiền gốc 1.100.000.000 đồng tính từ ngày 24/7/2019 đến ngày 07/8/2019 là 15 ngày ($1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,833 \% \times 15 \text{ ngày} = 4.581.199 \text{ đồng}$).

Lãi suất quá hạn: Số tiền gốc 1.100.000.000 đồng tính từ ngày 08/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2020 là 13 tháng 19 ngày ($1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,833 \% \times 150\% \times 13 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 178.771.815 \text{ đồng}$)

Tổng số lãi là: 183.353.300 đồng

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H. Buộc anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A phải trả cho ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H tổng số tiền 1.287.383.350 đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), tiền lãi suất là 187.383.350 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Trong vụ án này ông Lê Sỹ C, bà Trương Thị Bích H là người vay của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H số tiền 1.100.000.000 đồng, nhưng đến ngày 24/7/2019 đã thỏa thuận chuyển số tiền nợ này sang anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A nên ông C, bà H không còn liên quan đến việc vay tiền với ông C, bà H.

[5]. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[7]. Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 370, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H đối với anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A.

Buộc anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A phải trả cho ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H số tiền 1.287.383.350 đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), tiền lãi suất là 187.383.350 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A không chịu thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng anh C, chị A còn phải chịu một khoản tiền lãi chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình C, chị Lê Thị Thùy A phải nộp 50.651.500 đồng (*Năm mươi triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn C, bà Đỗ Thị Thu H được nhận lại 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000208 ngày 08 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Nguyên

